

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 214/2019/HS-PT

Ngày 07-5-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Giang

Các Thẩm phán: 1/Bà Nguyễn Hoàng Anh

2/Ông Phan Nguyên Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Trường - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Xuân- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 112/2019/TLPT-HS ngày 27 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Thị A do có kháng cáo của bị cáo A và bị hại Đặng Thị Thùy N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2019/HS-ST, ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị A**; Sinh năm 1979 tại tỉnh Bình Định; Giới tính: Nữ; Thường trú: Khu phố D, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Tạm trú: Thôn C, xã H, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 4/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị D; có chồng tên Đặng Thanh T (đã ly hôn) và 03 đứa con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 20/02/2012 đến ngày 20/6/2012 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị bắt, tạm giam lại từ ngày 02/3/2016 đến ngày 02/7/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại - Có mặt

-Bị hại có kháng cáo:

Bà Đặng Thị Thùy N; Sinh năm 1959; Thường trú: 92 NTT, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 357/8 NTT, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh - Có mặt.

Người bào chữa:

Luật sư Trịnh Bá Thân thuộc Văn phòng Luật sư Trịnh Bá Thân- Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa theo yêu cầu của bị cáo Nguyễn Thị A - Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại:

1/Luật sư Phạm Ngọc Quang thuộc Công ty Luật Hoàng Tân - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

2/Luật sư Nguyễn Thị Oanh thuộc Văn phòng Luật sư Chân Lý - Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh - Có mặt.

3/Luật sư Phùng Thị Hòa thuộc Văn phòng Luật sư Chợ Lớn - Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 6 năm 2008, bị cáo Nguyễn Thị A làm giúp việc tại nhà cho bà Đặng Thị Thùy N tại địa chỉ 005 Lô C, chung cư NTT, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Vào lúc 09 giờ ngày 15/01/2009, bà N bảo A lấy xe máy biển số 51F6-2628 chở bà N đi ăn sáng và đi mua sắm đồ tết. Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, A chở bà N đến trước chợ Hồ Thị Kỷ, Quận 10 để bà N mua hoa, trái cây và giấy tiền vàng mã. Nhân lúc bà N đi vào chợ mua đồ cúng, A đứng ngoài chờ một lúc rồi lấy xe đi về nhà bà N lấy cắp tài sản rồi bỏ trốn.

Sau khi mua đồ xong, bà N đi ra ngoài không thấy A, bà N tiếp tục chờ đến khoảng 12 giờ cùng ngày thì đón xe ôm về nhà. Khi về nhà, bà N thấy cửa nhà mở, chiếc xe máy biển số 51F6-2628 để ở trong nhà nhưng không thấy A. Bà N gọi điện thoại cho A thì tắt máy. Bà N vào phòng ngủ của mình kiểm tra thì thấy tủ bằng gỗ không bị cạy phá, chìa khóa cắm trên ổ khóa. Bà N mở tủ kiểm tra thì phát hiện bị mất trộm tài sản, ngày sau đó bà N đến Công an Phường 1, Quận 3 trình báo việc bị mất trộm tài sản, gồm: 120 lượng vàng SJC, 3.000 USD và 26 triệu đồng cùng một giấy CMND của A tại 03 túi xách tay để trong tủ.

Nhận được tin báo, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an Quận 3 đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thị A tại

Thôn C, xã H, huyện L, tỉnh Đắk Lắk nhưng không thu giữ được đồ vật và tài liệu liên quan đến vụ án. Nguyễn Thị A khai nhận trong lúc chờ bà N đi chợ lâu quá nên A đi về nhà bà N. Do bạn trai của A tên là Tuấn (không rõ lai lịch) điện thoại rủ đi chơi tại Vũng Tàu và Nha Trang nên A đã lục tìm CMND của mình do bà N cất giữ trong túi xách màu vàng và lấy một số đồ đạc cá nhân rồi rời khỏi nhà bỏ đi chơi với bạn trai. A không thừa nhận lấy trộm tài sản của bà N.

Ngày 10/9/2009, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an Quận 3 đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự “Trộm cắp tài sản”. Kết quả điều tra không có căn cứ để chứng minh A lấy cắp tài sản tại nhà bà N. Thời hạn điều tra vụ án đã hết, ngày 10/12/2009 Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an Quận 3 ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án.

Ngày 16/11/2011, ông Nguyễn Bá C đến Công an Quận 3 cung cấp thông tin về việc Nguyễn Thanh T (là chồng của A) và A đã mua nhà và đất của ông C tại xã H, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Vợ chồng ông C và chị Phạm Thị T là người hàng xóm đã nghe được A kể lại sự việc lấy trộm tài sản của bà N.

Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an Quận 3 quyết định khôi phục điều tra vụ án hình sự. Tiến hành điều tra thì A đã khai nhận lấy cắp tài sản của bà N với số tiền 2.000.000 đồng cùng giấy CMND của A trong túi xách để trong tủ tại phòng ngủ của bà N. Do đó, Cơ quan điều tra tiến hành bắt tạm giam và khám xét nơi ở của Nguyễn Thị A tại địa chỉ Thôn C, xã H, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, thu giữ: 01 số giấy tờ vay tiền, 01 sợi dây chuyền, 01 chiếc lắc, hồ sơ mua bán xe ô tô và A tự nguyện giao nộp số tiền 10.000.000 đồng để khắc phục hậu quả.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Thị A đã khai nhận: Lúc khoảng 12 giờ 30 phút ngày 15/01/2009, sau khi đưa bà N đến chợ Hồ Thị Kỷ, A quay trở về nhà bà N, vào phòng ngủ của bà N, phát hiện thấy chìa khóa tủ còn cắm ở ổ khóa, A lén lút mở tủ lấy trộm 01 lượng vàng SJC và 2.000.000 đồng để trong túi xách. A bán 01 lượng vàng SJC lấy trộm được tại tiệm vàng Minh Hứa tại thị trấn Ea Knốp, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk được số tiền hơn 16 triệu đồng để tiêu xài cá nhân.

Về phía ông Nguyễn Bá C và bà Nguyễn Thị T cho biết, đã bán nhà và đất có diện tích 1062m² cho vợ chồng T và A với giá 830.000.000 đồng. Trong lúc làm hợp đồng mua bán giao tiền, ông C cho biết A và T có tranh cãi với nhau về việc đứng tên nhà đất nên ông C sinh nghi. Ông C và bà T còn cho biết, vào buổi trưa ngày 23/02/2010 (tức ngày 10 tháng Giêng), A chửi bới T, sau đó A có sang nhà vợ chồng ông C. Lúc này có bà Thảo là hàng xóm đến chơi, A khóc lóc kể về sự việc trộm cắp tài sản của bà N như sau: A và Thương (em trai A) làm thuê tại nhà bà N, biết bà N có nhiều tiền vàng để trong tủ và chìa khóa tủ thường để trên đầu tủ nên đã lén lấy chìa khóa đi làm thêm chìa. Sau đó, A

kêu mẹ của A gọi điện thoại kêu về nhà do người nhà bị bệnh để bà N cho Thương về trước. Gần ngày ông tảo về trời, A tính trước bà N sẽ bảo A chở đi mua đồ nên A gọi điện thoại cho T lên Thành phố Hồ Chí Minh, để T vào nhà bà N lấy trộm tiền vàng. Theo đúng kế hoạch, A chở bà N đi mua đồ, trong lúc chờ bà N trước chợ, A gọi điện thoại cho T hỏi đã vào nhà lấy trộm chưa thì T nói sợ không dám vào lấy nên A chửi T là đồ hèn, rồi A bỏ bà N lại, chạy xe máy về nhà bà N cùng T lấy trộm 99 lượng vàng SJC (ông C khai nghe A kể lấy trộm 90 lượng vàng SJC), 3000 USD và hơn 20.000.000 đồng. Sau đó A và T đón taxi đi ra bến xe Miền Đông để đón xe đi chơi Nha Trang. Số vàng lấy được, A và T gửi cho bố chồng của A là ông X, khi lấy lại ông X trả thiếu 03 lượng nên A chửi ông X và hăm sẽ trả lại vàng cho bà N và khai ông X lấy 03 lượng vàng nên ông X trả đủ vàng cho A. Sau đó, A và T bán số vàng này tại Gia Lai. Bà Phạm Thị Th (hàng xóm) cho biết, lúc bà Thảo tới nhà ông C chơi là vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 23/02/2010, bà Thảo có nghe A kể sự việc A lấy trộm và nghe rằng A lấy trộm 99 lượng vàng SJC và một số tiền.

Tuy nhiên, quá trình điều tra Nguyễn Thị A chỉ thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản tại nhà bà N là 01 lượng vàng SJC và số tiền 2.000.000 đồng, A không thừa nhận việc kể cho vợ chồng ông C và bà Thảo nghe sự việc A lấy trộm tài sản của bà N. Cơ quan điều tra – Công an Quận 3 cho tiến hành đối chất giữa ông Nguyễn Bá C và Nguyễn Thị A, kết quả cả hai đều bảo lưu lời khai của mình. Đến ngày 09/6/2012, ông C chết do bệnh ung thư phổi. Cơ quan điều tra tiến hành cho A thực nghiệm điều tra lại việc lấy trộm 01 lượng vàng SJC và 2.000.000 đồng của bà N.

Tiến hành điều tra lấy lời khai của ông Đặng Thanh X, là cha ruột của Đặng Thanh T được biết: Do T ham mê cờ bạc nên đã ly hôn, T sinh sống làm nghề mua bán heo, T quay trở lại với A thì T có khoảng hơn 400.000.000 đồng, gồm 300.000.000 đồng tiền bán đất và 100 triệu đồng tiền vốn mua bán heo. Số tiền 830. 000.000 đồng T có để mua nhà đất tại xã Ea H’leo ông X không biết, ông X khẳng định không cất giữ vàng do A và T gửi.

Vụ án đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an Quận 3 ra bản kết luận điều tra, Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 ra cáo trạng truy tố chuyển tòa án xét xử và ngày 17/9/2013 Tòa án nhân dân Quận 3 đã đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm. Áp dụng khoản 1, Điều 138 Bộ luật hình sự tuyên phạt Nguyễn Thị A 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo A kháng cáo đề nghị được hưởng án treo, còn người bị hại bà N kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm để điều tra lại.

Ngày 10/4/2014, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành xét xử phúc thẩm. Tại bản án số 233/2014/HSPT ngày 10/4/2014, Hội đồng xét xử nhận định cấp sơ thẩm không chấp nhận lời khai của bị hại, chỉ căn cứ vào lời khai của bị cáo làm chứng cứ duy nhất để kết luận bị cáo chiếm đoạt 01

lượng vàng SJC và 2.000.000 đồng là không phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án, chưa nghiên cứu một cách tổng hợp, khách quan, toàn diện và đầy đủ các tình tiết của vụ án chưa được điều tra làm rõ. Quyết định hủy bản án sơ thẩm số 157/2013/HSST ngày 17/9/2013 của Tòa án nhân dân Quận 3 để điều tra lại theo thủ tục chung.

Vụ án được chuyển về Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an Quận 3 tiến hành điều tra lại. Nguyễn Thị A cũng chỉ khai lấy trộm của bà N 01 lượng vàng SJC và 2.000.000 đồng. Kết quả xác minh số điện thoại mà A đã gọi và nhận trong khoảng thời gian trộm cắp tài sản được Tập đoàn Viettel cho biết như sau:

- Số điện thoại 01673509672 có chủ thuê bao Nguyen Thi Quan, sinh năm 1975, địa chỉ thuê bao chưa đăng ký thông tin, loại thuê bao trả trước, chứng minh nhân dân số 331439330 cấp ngày 19/5/2002 nơi cấp Đồng Tháp.

- Số điện thoại 01697840075 có chủ thuê bao Nguyen Van Binh, sinh năm 1987, địa chỉ thuê bao chưa đăng ký thông tin, loại thuê bao trả trước, chứng minh nhân dân số 168111665 cấp ngày 14/5/2004 nơi cấp Hà Nam.

- Số điện thoại 0984451142 thời điểm tháng 01/2009 có chủ thuê bao Bui Thi Phuong, sinh năm 1957, địa chỉ thuê bao chưa đăng ký thông tin, loại thuê bao trả trước, chứng minh nhân dân số 0203076621 cấp ngày 14/5/2004 nơi cấp Thành phố Hồ Chí Minh.

- Số điện thoại 0984451142 thời điểm tháng 9/2012 có chủ thuê bao Nguyen Van Son, sinh năm 1988, địa chỉ thuê bao chưa đăng ký thông tin, loại thuê bao trả trước, chứng minh nhân dân số 191258856 cấp ngày 20/10/2005 nơi cấp Hà Tĩnh.

Kết quả điều tra xác minh số chứng minh nhân dân không có trong hồ sơ tàng thư, chỉ có số chứng minh nhân dân số 168111665 là của bà Hoàng Thị Dung, ngụ tại Đội 5, An Mông, Tiên Phong, Duy Tiên, Hà Nam. Bà Dung không đăng ký sử dụng số điện thoại 01697840075.

Với kết quả điều tra thu thập chứng cứ, kết quả xác minh có đủ chứng cứ kết luận Nguyễn Thị A trộm cắp tài sản theo như lời khai của A. Ngày 09/10/2014, Công an điều tra Quận 3 ra bản kết luận điều tra vụ án. Ngày 09/02/2015, Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 ra Cáo trạng truy tố, chuyển hồ sơ sang Tòa án nhân dân Quận 3. Ngày 14/4/2017, Tòa án nhân dân Quận 3 Tiến hành xét xử đến ngày 19/4/2017, Tòa án nhân dân Quận 3 tuyên phạt bị cáo Nguyễn Thị A 01 năm 08 tháng tù .

Ngày 27/4/2017, bà N có đơn kháng cáo yêu cầu: hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án đến Cơ quan CSĐT- CATP điều tra, làm rõ các đồng phạm.

Ngày 28/7/2017, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm. Tại bản án số 373/2017/HSPT ngày 28/7/2017, Hội đồng xét xử nhận định có nhiều nội dung liên quan đến vụ án nhưng chưa được Cơ quan điều tra làm rõ, cụ thể: Thu thập tài liệu tại tiệm vàng Minh Hứa, Ủy ban nhân dân huyện Ea H'leo đã thu hồi quyền sử dụng đất số AM676298 cấp ngày 24/3/2009 cho hộ T và A với lý do bỏ tên người thừa kế là Nguyễn Thị A là không đúng pháp luật, cần điều tra làm rõ T, A và ông C có đến công chứng để ký hợp đồng chuyển nhượng đất hay không? Lời trình bày của bà N về việc khối lượng tài sản bị mất, cũng như nguồn gốc số vàng bị mất là không thống nhất, lấy lời khai của Dương Đình H (nhân viên bán vàng) để thẩm tra làm rõ việc này; lời khai của ông Nguyễn Bá C và bà Phạm Thị Th có mâu thuẫn với nhau về thời gian nghe A kể chuyện trộm cắp vàng. Do đó, cấp phúc thẩm tuyên hủy bản án sơ thẩm số 49/2017/HSST ngày 19/4/2017 của Tòa án nhân dân Quận 3 để tiến hành điều tra lại.

Ngày 11/10/2017, Cơ quan CA sát điều tra- Công an Quận 3 đã chuyển hồ sơ vụ án đến Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra vụ án theo thẩm quyền, với kết quả điều tra như sau:

- Xác minh tại công an Phường 1, Quận 3 về việc tìm người biết sự việc Nguyễn Thị A Thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, do sự việc xảy ra quá lâu, Công an phường không tìm được người biết sự việc như nêu trên.

- Xác minh tại Ủy ban nhân dân huyện Ea H'leo về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 676287 ngày 24/3/2009 cho hộ ông Đặng Thanh T và bà Nguyễn Thị A và sau đó Ủy ban nhân dân huyện Ea H'leo thu hồi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AO 735434 ngày 08/12/2009 cho hộ ông Đặng Thanh T do A từ chối đứng tên. Về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận thực hiện theo quy định tại Điều 144 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai 2003.

- Xác minh tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Ea H'leo về thông tin nhà đất của ông Đặng Thanh T và bà Nguyễn Thị A được biết: Ngoài thửa đất 259, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.062 m² được UBND xã Ea H'leo cấp giấy chứng nhận số AM 676298 ngày 24/3/2009 cho hộ ông Đặng Thanh T, ngoài ra không còn đăng ký thửa đất nào cho hộ ông Đặng Thanh T.

- Xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Ea H'leo, huyện Ea H'leo về thời điểm tạo lập căn nhà tại Thôn 3, xã Ea H'leo, huyện Ea H'leo của hộ ông Đặng Thanh T được biết: Tài sản trên đất hiện tại của ông Đặng Thanh T là căn nhà cấp 4 trên thửa đất diện tích 1.062 m² tọa lạc tại thôn 3, xã Ea H'leo được tạo lập trước thời điểm nhận chuyển nhượng từ vợ chồng Nguyễn Bá C và bà Nguyễn Thị T có hộ khẩu thường trú tại Thôn C, xã H, huyện L.

Sau khi nhận chuyển nhượng và được cấp quyền sử dụng đất số AM 676298 ngày 24/3/2018 thì ông Đặng Thanh T tiếp tục sử dụng và có sửa chữa, tu bổ để sử dụng đối với căn nhà mà ông C và bà T tạo lập.

- Xác minh tại Chi cục thuế huyện Ea Kar về tình hình hoạt động của tiệm vàng Minh Hứa như sau: từ tháng 01 năm 2009 đến tháng 12 năm 2009 tiệm vàng Minh Hứa không có hồ sơ quyết toán thuế.

- Xác minh tại ngân hàng Agribank chi nhánh Ea H'leo được biết ngày 26/3/2009 Đặng Thanh T mở tài khoản cá nhân tại ngân hàng. Ngày 12/01/2010, Đặng Thanh T vay của ngân hàng số tiền 500.000.000 đồng đến ngày 16/12/2010 tất toán khoản vay này. Ngày 07/01/2011 T vay 500.000.000 đồng đến ngày 08/08/2011 tất toán khoản vay này.

Không có thông tin Đặng Thanh T gửi tiền tiết kiệm tại ngân hàng. Không có thông tin về tài khoản cá nhân, tiền gửi tiết kiệm và tiền vay của Nguyễn Thị A tại ngân hàng.

- Bà Đặng Thị Thùy N khai: Ngày 15/02/2009, Nguyễn Thị A đã lấy trộm của bà N 120 lượng vàng SJC, 3000 USD và 20 triệu đồng; A không thừa nhận đã chiếm đoạt tài sản như bà N đã tố cáo.

- Về tài sản của A và T: Trong thời kỳ hôn nhân thì T làm nghề buôn bán heo còn A ở nhà làm rẫy cà phê, hai người tạo lập được một số tài sản chung, việc mua nhà đất của ông C, A khai chỉ đi theo T để đặt cọc mua nhà đất. Ông C soạn hợp đồng đặt cọc và giao cho A ký tên. Việc ông C làm thủ tục sang tên để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Đặng Thanh T và Nguyễn Thị A như thế nào A không biết do A không tham gia ký hợp đồng chuyển nhượng cũng như tham gia nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thanh toán tiền mua nhà đất sau này. Việc này do T và ông C thực hiện. T nhận giấy tờ nhà đất thì giữ luôn không cho A biết là A có đứng tên trên giấy tờ đất, đến cuối tháng 12/2009 thì T yêu cầu A ký tên để T đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ đứng tên của T. A khai tiền mua bán nhà đất của ông C là tiền riêng của T, A không đóng góp tiền để mua nhà đất này.

- Đặng Thanh T khai: Sau khi ly hôn với A thì T làm nghề mua bán heo, có kết hôn với chị Tòng Thị Th. Đến tháng 9/2008, T đưa Th về Đắk Lắk chung sống được khoảng 3 tháng thì Th chia tay. T và Th không có tài sản chung. Đến Tết nguyên đán năm 2009, T gặp và nói lại quan hệ với A. Lúc này, T mới biết việc A bị Công an Quận 3 điều tra về việc lấy trộm tài sản của bà N, về việc mua nhà đất của ông C là tiền riêng của T, nguồn gốc số tiền mua nhà do T tích lũy từ việc mua bán heo và đánh bạc thắng được khoảng 400.000.000 đồng, mua xe ô tô tải vào tháng 7/2010, với số tiền là 130.000.000 đồng, nguồn gốc số tiền mua xe do cha mẹ T bán rẫy cà phê cho tiền.

- Ông Đặng Thanh X khai: Tháng 5/2008, vợ chồng T ly hôn. Ông X lấy lại rẫy cà phê đã cho T và A canh tác, đến năm 2010 ông X bán rẫy cà phê đã cho T trước đây được 161.000.000 đồng và đưa cho T toàn bộ số tiền này để T mua xe ô tô tải để kinh doanh.

- Bà Nguyễn Thị T khai: Đã cung cấp lời khai tại Công an Quận 3 và tại các phiên tòa, bà T không bổ sung hoặc thay đổi gì về lời khai của mình. T và A đến đặt cọc mua nhà thì bà T nhìn thấy T và A mang theo 01 vali tiền loại mệnh giá 500.000 đồng và nghe T nói mang theo 02 tỷ đồng, ông C chở A đi đến ngân hàng để A giao cho ông C 100.000.000 đồng để đặt cọc mua nhà. Bà T xác định đã cùng ông C và bà Phạm Thị Th nghe A kể sự việc lấy trộm tài sản vào buổi trưa rồi đến tối thì ông C, bà T, Thảo và A tiếp tục gặp nhau để nói chuyện về việc của A nên có khả năng bà Th đã nhầm lẫn nghe A kể sự việc vào buổi tối.

- Bà Phạm Thị Th khai: Đã cung cấp lời khai tại Công an Quận 3 và tại các phiên tòa, bà Th không bổ sung hoặc thay đổi gì về lời khai của mình. Bà Th cũng xác nhận đã nghe A kể sự việc lấy trộm tài sản của bà N vào buổi tối.

- Ông Phạm Văn H (chủ tiệm vàng Minh Hứa) khai: ông H không quen biết Nguyễn Thị A và không xác định được có mua vàng của A vào thời điểm Tết nguyên đán năm 2009 hay không.

- Bà Nguyễn Thị Bích Th1 (chủ xe 47L-3932) khai: Tháng 3/2007, bà Th1 bán chiếc xe trên cho một người đàn ông (không rõ lai lịch). Đến tháng 7/2010 có người mang giấy tờ xe đến gặp bà Th1 nhờ bà Th1 ký giấy mua bán xe làm thủ tục sang tên.

Tại Bản án số: 05/2019/HS-ST ngày 22/01/2019 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh đã Quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị A 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được trừ đi thời gian đã bị tạm giam từ ngày 20/02/2012 đến ngày 20/6/2012 và từ ngày 02/3/2016 đến ngày 02/7/2017.

Ngoài ra Bản án còn giải quyết phần dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo.

Ngày 21/01/2019, bị cáo Nguyễn Thị A có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 22/01/2019, bị hại Đặng Thị Thùy N có đơn kháng cáo đề nghị hủy Bản án sơ thẩm số: 05/2019/HSST ngày 22/01/2019 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị A giữ nguyên nội dung kháng cáo như đã nêu trên đồng thời bổ sung cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại các điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 nhưng mức hình phạt 03 năm tù là mâu thuẫn với nhận định của Bản án sơ thẩm.

Bị hại Đặng Thị Thùy N giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày rõ kháng cáo với 3 nội dung cụ thể như sau:

- Về tố tụng : Cơ quan điều tra đã vi phạm nhiều vấn đề về tố tụng và luật sư của bị hại sẽ trình bày rõ tại phần tranh tụng.

- Về dân sự: Số tiền bị cáo trộm là 120 lượng vàng SJC, 3000 USD và 20 triệu đồng, không phải 1 lượng vàng SJC và 2 triệu đồng như bị cáo khai nhận.

- Về hình phạt: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định của pháp luật để xử phạt bị cáo đúng theo số lượng tài sản mà bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi phân tích tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, mức hình phạt là thỏa đáng. Đối với nội dung kháng cáo của bị hại, Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã thực hiện đầy đủ các nghiệp vụ cần thiết nhưng không có cơ sở để chứng minh số tiền bị mất như lời khai của bị hại N. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Trịnh Bá Thân bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị A trình bày:

Quá trình điều tra, truy tố xét xử chỉ xác định bị cáo chiếm đoạt của bị hại số tài sản gồm 01 lượng vàng SJC và số tiền 2.000.000 đồng, cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, khi lượng hình mặc dù đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như bị cáo tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra, truy tố, xét xử thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải nhưng vẫn áp dụng mức hình phạt cao nhất tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự dù bị cáo không có tình tiết tăng nặng là không thỏa đáng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa Bản án sơ thẩm giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Bị cáo đồng ý với quan điểm bào chữa của luật sư và không bào chữa bổ sung gì thêm.

Luật sư Nguyễn Thị Oanh bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị hại Đặng Thị Thùy N trình bày: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 3 có vi phạm về

thẩm quyền, thời hạn tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đối với vụ án, bị hại khai báo mất số tài sản gồm 120 lượng vàng SJC, 3.000USD và 26 triệu đồng vào ngày 15/01/2009 nhưng đến tháng 9 năm 2009 Cơ quan Điều tra mới khởi tố vụ án, việc kéo dài thời hạn thụ lý vụ án đã tạo điều kiện cho bị cáo thực hiện việc tẩu tán, chuyển hóa tài sản gây khó khăn cho quá trình xác định sự thật vụ án sau này; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/3/2012 đến ngày 02/7/2012 trong khi đang mang thai là vi phạm tố tụng; Việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 3 trưng cầu định giá tài sản đối với 120 lượng vàng, số tiền 3.000 USD là vượt quá thẩm quyền điều tra. Về giá trị tài sản chiếm đoạt, Cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời nhận tội của bị cáo mà chưa giải quyết được mâu thuẫn trong lời khai của bị cáo với lời khai của bị hại và những người liên quan khác trong vụ án, chưa làm rõ khối tài sản được Đặng Thanh T tạo lập từ tháng 03/2009 về sau có tính tương đương với giá trị số tài sản mà bị hại N khai báo. Đồng thời chưa làm rõ vai trò đồng phạm của Đặng Thanh T trong hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo A và hành vi của T và ông X trong việc tiêu thụ tài sản do A phạm tội mà có.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp quan điểm bào chữa của các Luật sư:

Đối với luật sư Trịnh Bá Thân: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử Viện kiểm sát chưa thấy được sự ăn năn, thành khẩn của bị cáo nên mức án 03 năm tù là để răn đe, giáo dục bị cáo, mặc dù số tài sản chiếm đoạt chỉ nằm ở mức giữa 2.000.000 đồng và 50.000.000 đồng.

Đối với luật sư Nguyễn Thị Oanh: Vi phạm tố tụng trong quá trình tiếp nhận thông tin tố giác tội phạm và khởi tố vụ án hình sự, cơ quan điều tra đã tự xem xét, rút kinh nghiệm nên không giải quyết tại phiên tòa phúc thẩm này. Quá trình chứng minh tội phạm chỉ xác định bị cáo phạm tội tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự nên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ủy quyền cho Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Về mối liên quan giữa hành vi phạm tội của bị cáo và khối tài sản của ông Đặng Thanh T, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã chứng minh không có cơ sở xác định tài sản dùng để mua đất của T là tài sản do A phạm tội mà có, T cũng không đồng phạm với A trong việc trộm cắp tài sản của bị hại N, số tài sản T tạo lập có nguồn gốc từ việc làm ăn hợp pháp và 400 triệu đồng tiền thắng bạc mà có; Việc bị cáo A có con với T tại thời điểm T đang trong thời kỳ hôn nhân với Tống Thị Th là việc riêng của bị cáo, không liên quan đến vụ án.

Do đó Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đã đề nghị tại phiên tòa.

Luật sư Trịnh Bá Thân tranh luận: Phần đối đáp của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là chưa thuyết phục. Bởi qua 06 lần xét xử sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo đều thừa nhận hành vi của mình là sai phạm, chấp nhận chịu sự

trừng phạt của pháp luật. Mặt khác, tài sản bị cáo chiếm đoạt chỉ nằm ở mức giữa của mức định lượng tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự, việc cấp sơ thẩm có nhận định việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ là không đáng kể, thì phải giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt chứ không thể áp dụng mức hình phạt cao nhất.

Luật sư Nguyễn Thị Oanh tranh luận: Đề nghị Đại diện Viện kiểm sát đối đáp trực tiếp với quan điểm của Luật sư và đưa ra căn cứ theo quy định của pháp luật. Việc Viện kiểm sát cho rằng hành vi có con với người có gia đình và số tiền 400 triệu đồng từ hành vi đánh bạc của T là chuyện riêng của bị cáo và là nguồn tiền hợp pháp của T là bỏ qua các quy định của pháp luật. Luật sư đề nghị Viện kiểm sát đối đáp trực tiếp các vấn đề cụ thể sau:

Việc cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 3 tiếp nhận đơn thư tố giác tội phạm từ ngày 15/01/2009 nhưng đến tháng 9/2009 mới khởi tố vụ án là vi phạm quy định về thời hạn xử lý đơn thư tố phạm tội phạm theo quy định của bộ luật tố tụng; Cơ quan điều tra áp dụng biện pháp tạm giam bị cáo vào ngày 20/02/2012 đến ngày 20/6/2012 để điều tra tội phạm ít nghiêm trọng tại thời điểm bị cáo đang mang thai là vi phạm quy định của bộ luật tố tụng; Việc bị cáo mang thai với T, khi T đang trong thời kỳ hôn nhân với Tòng Thị Th là vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng; Việc bị cáo xé bỏ biên bản ghi lời khai là trách nhiệm của Điều tra viên; Bản kết luận điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra xác định có sự bất minh trọng việc tạo lập khối tài sản của Đặng Thanh T, nhưng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có hành vi bỏ qua, không trả hồ sơ để yêu cầu làm rõ; Hội đồng định giá tài sản tiến hành định giá số tài sản như lời khai của bị hại, nhưng Bản kết luận điều tra chỉ xác định bị cáo chiếm đoạt 01 lượng vàng là không phù hợp.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp trở lại quan điểm của luật sư Nguyễn Thị Oanh:

Đối với cách dùng ngôn từ của luật sư cho rằng Viện kiểm sát đã có hành vi không trả hồ sơ điều tra bổ sung là không đúng mực, đề nghị luật sư đính chính cách sử dụng ngôn từ tại phiên tòa. Về thời hạn khởi tố vụ án: Hằng năm Viện kiểm sát đều có kiểm tra, giám sát hoạt động tố tụng của Cơ quan điều tra, nếu phát hiện vi phạm sẽ kiểm điểm kịp thời. Đối với việc tạm giam bị cáo, do vụ án kéo dài, bị cáo cư trú không ổn định tại nhiều nơi, gây khó khăn cho việc điều tra nên Cơ quan điều tra áp dụng biện pháp tạm giam. Sau đó mới biết bị cáo có thai nên cho người nhà bảo lãnh là không sai. Về hành vi đánh bạc của Đặng Thanh T là sai nhưng thuộc phạm vi giải quyết trong một vụ án khác nên không xem xét trong vụ án này. Việc bị cáo có con với T trong thời kỳ T có vợ thuộc một vụ án khác, do địa phương khác thụ lý giải quyết nếu có người khiếu nại. Vụ án trải qua một quá trình tố tụng kéo dài nhưng đến nay chỉ chứng minh

được việc bị cáo trộm cắp 01 lượng vàng và số tiền 2.000.000 đồng nên thẩm quyền xét xử thuộc Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Riêng việc bị cáo xé biên bản ghi lời khai, Viện kiểm sát đã đưa vào phần nhận định là không ăn năn hối cải khi đề nghị mức hình phạt.

Luật sư Oanh tranh luận trở lại nêu ý kiến không đồng ý xử lý đồng phạm trong một vụ án khác.

Các bên còn đưa ra một số quan điểm đối đáp, tranh tụng nhưng tất cả đều bảo lưu quan điểm như đã trình bày.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị A và bị hại Đặng Thị Thùy N về nội dung quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo, bị hại theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân Quận 3 trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa bị hại và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trình bày việc điều tra, truy tố, xét xử của Cơ quan tiến hành tố tụng Quận 3 là vi phạm về thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành điều tra, kết luận vụ án, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Nguyễn Thị A về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự, phân công Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 giữ vai trò công tố tại phiên tòa sơ thẩm và việc Tòa án nhân dân Quận 3 tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 268 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Đối với việc bị cáo bị bắt, tạm giam trong thời kỳ mang thai, hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 17/02/2012, Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an Quận 3 phối hợp với Công an huyện Ea H’leo lấy lời khai của A, sau khi điều tra viên đưa biên bản cho A đọc và ký tên, bị cáo đã xé và vò nát biên bản này, đây là hành vi cản trở nghiêm trọng công tác điều tra theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều

88 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 nên Cơ quan điều tra đã thay đổi biện pháp ngăn chặn, bắt tạm giam bị cáo từ ngày 20/2/2012. Đồng thời, sau khi bắt tạm giam bị cáo, cơ quan điều tra mới phát hiện bị cáo mang thai nên đã cho bị cáo đi khám thai và thay đổi biện pháp ngăn chặn vào ngày 20/6/2012. Việc Cơ quan điều tra áp dụng, thay đổi biện pháp ngăn chặn đối với bị cáo Nguyễn Thị A là phù hợp với các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003.

Đối với việc chậm trễ của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an quận 3 trong việc giải quyết tin báo tố giác tội phạm và khởi tố vụ án, không làm thay đổi bản chất khách quan của vụ án, nhưng cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Quận 3 cần rút kinh nghiệm sâu sắc về vấn đề thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Căn cứ lời khai của bị cáo Nguyễn Thị A tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về thời điểm thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở xác định: Bị cáo Nguyễn Thị A làm giúp việc tại nhà cho bà Đặng Thị Thùy N từ tháng 6/2008. Vào ngày 15/01/2009, lợi dụng lúc bị hại Đặng Thị Thùy N đang mua đồ tại chợ Hồ Thị Kỷ, Quận 10, bị cáo Nguyễn Thị A đã điều khiển xe máy về nhà bà N tại số 005 Lô C Chung cư NTT, Phường A, Quận C, đi lên phòng ngủ của bà N, lén lút mở tủ lấy trộm 01 lượng vàng SJC và số tiền 2.000.000 đồng. Bản án sơ thẩm số: 05/2019/HS-ST ngày 22/01/2019 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh đã áp dụng khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 để xử phạt bị cáo Nguyễn Thị A về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Đối với quan điểm của bị hại và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại về việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai của bị cáo để làm căn cứ định tội mà bỏ qua lời khai của bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Hội đồng xét xử nhận định như sau: Lời khai của bị hại tại Cơ quan Điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm là không đồng nhất, không phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Bá C, bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Thảo về số lượng tài sản bị chiếm đoạt. Mặt khác, nội dung lời khai ông C, bà T và bà Thảo tại cơ quan điều tra tồn tại những mâu thuẫn về thời gian nghe bị cáo kể lại việc trộm cắp và số lượng tài sản bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại. Do đó, không có đủ căn cứ xác định số tài sản bị chiếm đoạt như lời khai của bị hại.

Đối với việc đề nghị xác định đồng phạm, Cơ quan Điều tra đã thực hiện xác minh các số điện thoại mà A đã gọi và nhận vào khoảng thời gian thực hiện hành vi phạm tội, xác định có 03 số điện thoại có chủ thuê bao đăng ký nhưng xác minh số chứng minh nhân dân không có trong hồ sơ tàng trữ. Riêng số điện thoại

0169.784.0075 được đăng ký bởi chứng minh nhân dân số 168111665 của bà Hoàng Thị Dung, tuy nhiên bà Dung không đăng ký sử dụng số điện thoại trên. Quá trình điều tra, các ông T, X và bà Thg khai không biết và không tham gia việc trộm cắp tài sản của Nguyễn Thị A.

Đối với nguồn gốc số tài sản của Đặng Thanh T, Nguyễn Thị A phát sinh từ tháng 02/2009, bao gồm: 01 thửa đất số 259, diện tích 1062m² tại thôn 3, xã Ea H'leo, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Bá C và bà Nguyễn Thị T với giá 830.000.00 đồng; 01 xe tải hiệu Kia, biển số 47L-3932 đứng tên bà Nguyễn Thị Bích Th mua của đối tượng môi giới với giá 130.000.000 đồng. Quá trình điều tra, Đặng Thanh T khai nhận tiền dùng mua đất và xe ô tô là do ông T tự tạo lập bằng nghề mua bán heo, bán rẫy cà phê và thắng bạc 400.000.000 đồng. Nguyễn Thị A khai có đi theo T tham gia ký đặt cọc mua nhà đất của ông C, không tham gia việc chuyển nhượng, thanh toán tiền và nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc T mua nhà, đất A không đóng góp gì. Đối với số tiền T khai có được do thắng bạc, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk để tiến hành làm rõ theo thẩm quyền.

Đối với ý kiến về việc bị cáo vi phạm chế độ một vợ một chồng của Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo mang thai với T trong thời kỳ hôn nhân giữa T và Th, nhưng thời gian này T và Th không còn chung sống nữa và bà Tòng Thị Th không có khiếu nại gì về vấn đề này, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy, vụ án đã được điều tra, truy tố, xét xử nhiều lần, tuy nhiên đến nay vẫn chưa có đủ căn cứ để xác định sự liên quan giữa số tài sản mà ông T tạo lập với hành vi trộm cắp tài sản mà bị cáo Nguyễn Thị A thực hiện.

Lập luận trên đây cũng là căn cứ để bác các luận cứ, quan điểm bào chữa cho rằng vụ án có đồng phạm và có việc chuyển hóa, tàng trữ, sử dụng tài sản do phạm tội mà có.

[4] Đối với quan điểm của bị cáo và Luật sư Trịnh Bá Thân về việc cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự nhưng áp dụng mức hình phạt 03 năm tù là mâu thuẫn, không thỏa đáng. Hội đồng xét xử nhận định, quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã nộp lại một phần tài sản để khắc phục hậu quả, mức phạt 03 năm tù là có phần nghiêm khắc so với tính chất, mức độ hành vi và hậu quả tội phạm mà bị cáo đã thực hiện.

Mặc dù bị cáo thực hiện hành vi phạm tội từ năm 2009, nhưng được Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vào ngày 22/01/2019 mà lại áp dụng điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là không phù

hợp với quy định với quy định của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét cần áp dụng lại điều luật của bộ luật hình sự. Theo đó, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo A.

Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của luật sư và kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị A là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận, sửa Bản án sơ thẩm, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt, không chấp nhận kháng cáo của bị hại.

[5] Phần kiến nghị: Đối với số tài sản do bị hại khai báo bị mất nhưng chưa được làm rõ, kiến nghị Viện kiểm sát nhân dân Tp. Hồ Chí Minh tiếp tục điều tra, nếu xác định được có hành vi vi phạm pháp luật sẽ xử lý ở vụ án khác.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị hại phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Đặng Thị Thùy N

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị A, sửa Bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị A: 02 năm 06 tháng (hai năm sáu tháng) tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 20/02/2012 đến ngày 20/6/2012 và từ ngày 02/3/2016 đến ngày 02/7/2017.

Kiến nghị Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục điều tra, xác minh số đối với số tài sản do bị hại khai báo bị mất nhưng chưa được làm rõ, nếu xác định được có hành vi vi phạm pháp luật sẽ xử lý ở vụ án khác.

Bị cáo Nguyễn Thị A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị hại Đặng Thị Thùy N phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí

dân sự phúc thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0021761 ngày 22/01/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh)

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại Tp. HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND Quận 3; (2)
- P.PC 53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (1)
- Bị hại; (1)
- Những người tham gia tố tụng khác (4)
- THADS Quận 3; (1)
- TAND Quận 3; (2)
- Công an Quận 3; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (25) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Hương Giang